

Số: *48* /2021 -TH1-VP

V/v: Công bố thông tin
Báo cáo tài chính năm 2020

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2021

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội**

1. Công ty: Công ty CP Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam
2. Mã chứng khoán: TH1
3. Trụ sở chính: Số 46 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội
4. Điện thoại: 04.38264009 Email: gexim@gel.com.vn
5. Người thực hiện công bố thông tin: **Vũ Thị Phương**
Địa chỉ: 75C Tổ 15 Làng Thủ Lệ, Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội.
6. Nội dung thông tin công bố:
 - BCTC Văn phòng Công ty:
 - Lợi nhuận cả năm 2019: (38.125.431.126) VNĐ
 - Lợi nhuận cả năm 2020: (46.883.063.065) VNĐ
 - BCTC tổng hợp toàn Công ty:
 - Lợi nhuận cả năm 2019: (36.894.265.997) VNĐ
 - Lợi nhuận cả năm 2020: (44.011.985.107) VNĐ
 - Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2020 tại BCTC năm 2020 của toàn Công ty lỗ so với cùng kỳ năm 2019 là do: Số lỗ năm 2020 so với năm 2019 tăng thêm 7.117.719.110đ, dù lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 3.491.477.789đ.
 - Lợi nhuận từ hoạt động tài chính giảm mạnh 17.447.046.555đ.
 - Chi phí bán hàng tăng 4.226.976.394đ.
 - Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 13.869.487.363đ.
 - Kết quả của hoạt động khác giảm 2.804.661.313đ.
 - Thông tin này đã được công bố trên website của công ty: www.generalexim.com.vn vào ngày 31/03/2021
 - Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người thực hiện công bố thông tin



CHÁNH VĂN PHÒNG
Vũ Thị Phương



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU
TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020
(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-38
Bảng cân đối kế toán	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10-11
Thuyết minh Báo cáo tài chính	12-38

1001
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM
HỮU HẠN
HÀNG BÀI
HOÀN KIỆM

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Văn phòng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (tiền thân là Công ty Xuất nhập khẩu Tổng hợp I - doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Thương mại) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0103011968 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/05/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 05/02/2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Vĩnh Huy	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Thu Hoài	Ủy viên
Ông Nhân Việt Bắc	Ủy viên
Ông Lê Tuấn Điệp	Ủy viên

Bà Nguyễn Thị Thu Hoài - Tổng Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này.

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Phạm Thị Chiến	Trưởng ban	
Bà Phạm Thị Thảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22/06/2020
Ông Nguyễn Thế Sinh	Thành viên	Ngày miễn nhiệm 01/01/2020
Ông Nguyễn Xuân Anh	Thành viên	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

110
NG S
HIỆM
KIỂM
A S
KIỂM

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Công ty



Nguyễn Thị Thu Hoài

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2021

185
V.G.T
NHIỆM VỤ
KIỂM
AA
N KIẾ

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc
Văn phòng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Văn phòng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam được lập ngày 27 tháng 02 năm 2021, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến


1. Tại ngày 31/12/2020, Văn phòng Công ty có khoản lỗ lũy kế trên Bảng Cân đối kế toán là âm 383,87 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu âm 200,13 tỷ đồng, nợ ngắn hạn vượt tài sản ngắn hạn 341,16 tỷ đồng, toàn bộ các khoản vay vốn của ngân hàng đã quá hạn thanh toán với tổng số tiền gốc 567,85 tỷ đồng và lãi vay phải trả tương ứng 297,97 tỷ đồng, các khoản nợ quá hạn không có khả năng thu hồi tăng lên, đồng thời trong năm 2020, Văn phòng Công ty có lợi nhuận trước thuế lỗ 46,88 tỷ đồng. Những vấn đề này cùng với những vấn đề được trình bày tại thuyết minh số 1 cho thấy có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Văn phòng Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính cho năm 2020 của Văn phòng Công ty vẫn được trình bày dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.
2. Như đã trình bày chi tiết tại thuyết minh số 19 về "Thỏa thuận nhận tài sản bảo đảm để thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm" ngày 23/08/2018, đối với khoản vay giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Việt Á - chi nhánh Hà Nội. Chúng tôi không thể đánh giá hết ảnh hưởng (nếu có) của thỏa thuận tài sản bảo đảm nêu trên đến các khoản mục trên Báo cáo tài chính năm 2020 cũng như các điều chỉnh cần thiết liên quan đến thỏa thuận này.

Từ chối đưa ra ý kiến


Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Văn phòng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp 1 Việt Nam.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC




Vũ Xuân Biên
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2021


Nguyễn Tuấn Anh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1369-2018-002-1

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngõ Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		596.975.211.797	609.039.617.020
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	387.027.728	241.543.181
111	1. Tiền		387.027.728	241.543.181
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	173.197.687.967	165.728.158.041
121	1. Chứng khoán kinh doanh		162.981.197.741	172.281.569.834
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(240.500)	(6.553.411.793)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		10.216.730.726	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		414.605.244.860	432.387.760.455
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	102.966.857.554	103.581.546.910
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	246.195.293.858	256.895.140.638
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		24.371.842.124	23.646.903.142
135	4. Phải thu về cho vay ngắn hạn		450.000.000	450.000.000
136	5. Phải thu ngắn hạn khác	7	377.894.374.697	387.945.293.138
137	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(337.273.123.373)	(340.131.123.373)
140	IV. Hàng tồn kho	9	248.187.170	220.999.999
141	1. Hàng tồn kho		248.187.170	220.999.999
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		8.537.064.072	10.461.155.344
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	-	53.411.707
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		8.396.934.072	10.267.613.637
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	140.130.000	140.130.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		161.430.594.971	166.211.213.086
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		100.000.000	100.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	100.000.000	100.000.000
220	II. Tài sản cố định		1.657.069.708	788.819.208
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	1.657.069.708	788.819.208
222	- Nguyên giá		11.163.091.002	10.004.759.457
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(9.506.021.294)	(9.215.940.249)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
230	III. Bất động sản đầu tư	11	119.023.043.789	122.938.365.140
231	- Nguyên giá		148.319.406.782	148.859.855.420
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(29.296.362.993)	(25.921.490.280)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	874.861.159
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	874.861.159
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	36.351.669.217	36.369.721.728
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		41.368.895.429	41.368.895.429
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.200.000.000	1.200.000.000
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(6.217.226.212)	(6.199.173.701)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		4.298.812.257	5.139.445.851
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	4.298.812.257	5.139.445.851
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		758.405.806.768	775.250.830.106

NG
HIỆM
KIỂM
A
TÊN

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		958.533.605.227	929.170.419.581
310	I. Nợ ngắn hạn		938.134.392.417	892.036.574.551
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	34.100.765.089	24.809.813.923
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	155.342.145	1.055.196.491
314	3. Phải trả người lao động		481.050.533	395.258.364
316	4. Phải trả nội bộ ngắn hạn		23.878.220.969	18.996.119.621
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	17	311.321.948.369	276.838.653.952
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	567.853.108.584	569.597.575.472
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		343.956.728	343.956.728
330	II. Nợ dài hạn		20.399.212.810	37.133.845.030
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	16	9.586.572.804	9.839.664.036
337	2. Phải trả dài hạn khác	17	10.812.640.006	10.778.180.994
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	-	16.516.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		(200.127.798.459)	(153.919.589.475)
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	(200.127.798.459)	(153.919.589.475)
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		135.392.670.000	135.392.670.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		135.392.670.000	135.392.670.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		17.147.588.054	17.147.588.054
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		7.262.420.104	7.262.420.104
415	4. Cổ phiếu quỹ		(981.900)	(981.900)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		23.940.421.305	23.940.421.305
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(383.869.916.022)	(337.661.707.038)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(336.878.738.246)	(299.316.832.993)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		(46.991.177.776)	(38.344.874.045)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		758.405.806.768	775.250.830.106

Nguyễn Thanh Thúy
Người lập

Mai Thu Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Thu Hoài
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	105.053.858.709	92.824.739.844
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	554.944.982
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		105.053.858.709	92.269.794.862
11	4. Giá vốn hàng bán	22	89.901.316.222	78.703.442.608
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		15.152.542.487	13.566.352.254
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	7.482.366.709	10.628.091.519
22	7. Chi phí tài chính	24	53.075.762.587	38.775.768.750
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		46.276.276.833	34.458.318.242
25	8. Chi phí bán hàng	25	11.813.708.616	7.566.071.925
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.387.531.052	18.456.960.186
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(46.642.093.059)	(40.604.357.088)
31	11. Thu nhập khác	27	612.649.246	3.576.318.006
32	12. Chi phí khác	28	853.619.252	1.097.392.044
40	13. Lợi nhuận khác		(240.970.006)	2.478.925.962
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(46.883.063.065)	(38.125.431.126)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(46.883.063.065)	(38.125.431.126)



Nguyễn Thanh Thúy
Người lập



Mai Thu Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thu Hoài
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(46.883.063.065)	(38.125.431.126)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		3.664.953.758	3.677.643.552
03	- Các khoản dự phòng		(9.393.118.782)	12.300.852.553
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(237.355.007)	(439.405.246)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(386.122.301)	(9.336.853.082)
06	- Chi phí lãi vay		46.276.276.833	34.458.318.242
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(6.958.428.564)	2.535.124.893
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		23.725.205.881	(17.340.427.633)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(27.187.171)	4.705.923.876
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		1.631.513.291	(1.090.172.595)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		894.045.301	180.503.858
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		9.300.372.093	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		28.565.520.831	(11.009.047.601)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(583.470.386)	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	8.527.273
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(63.620.963.726)	(4.040.329.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		53.404.233.000	4.040.329.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		386.122.301	13.498.925.809
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(10.414.078.811)	13.507.453.082
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
34	1. Tiền trả nợ gốc vay		(18.011.355.502)	(3.000.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(18.011.355.502)	(3.000.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		140.086.518	(501.594.519)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		241.543.181	731.840.341
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		5.398.029	11.297.359
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	387.027.728	241.543.181



Nguyễn Thanh Thúy
Người lập



Mai Thu Hà
Kế toán trưởng



Thủ Hoài
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2021



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (tiền thân là Công ty Xuất nhập khẩu Tổng hợp I - doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Thương mại) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0103011968 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/05/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 05/02/2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 135.392.670.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 135.392.670.000 đồng; tương đương 13.539.267 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 161 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là: 179 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh Xuất nhập khẩu.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Bán buôn thực phẩm: Kinh doanh tạp phẩm, thủy hải sản, rượu bia, nước giải khát, kinh doanh bánh kẹo, các mặt hàng đường, sữa, sản phẩm từ thịt, thủy sản, rau quả, cà phê...;
- Kinh doanh nông, lâm, thủy hải sản;
- Kinh doanh các sản phẩm dệt may;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh Nhà ở và văn phòng, cho thuê văn phòng, căn hộ, kho, bãi, nhà xưởng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2020, Công ty có đẩy mạnh được hoạt động bán hàng hóa nên doanh thu của Công ty có sự gia tăng so với năm 2019.

Tại thời điểm 31/12/2020, Văn phòng Công ty có khoản lỗ lũy kế trên Bảng Cân đối kế toán với số tiền là âm 383,87 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu âm 200,13 tỷ đồng, nợ ngắn hạn vượt tài sản ngắn hạn 341,16 tỷ đồng và các khoản vay Ngân hàng thương mại đã quá hạn thanh toán với tổng số tiền gốc 567,85 tỷ đồng và lãi vay phải trả tương ứng 297,97 tỷ đồng. Đồng thời, trong năm 2020, Văn phòng Công ty lỗ 46,88 tỷ đồng. Tuy nhiên, Hội đồng Quản trị và Tổng giám đốc Công ty đã xây dựng kế hoạch tài chính để có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn thông qua việc tái cơ cấu nợ với ngân hàng, đẩy mạnh công tác thu hồi nợ và thanh lý một số khoản đầu tư, tài sản của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam tại Hải Phòng

Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh

Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam - Xí nghiệp May xuất khẩu Hải Phòng

Địa chỉ

Quận Hải An, TP Hải Phòng

Quận 4, TP Hồ Chí Minh

Quận Hải An, TP Hải Phòng

Hoạt động kinh doanh chính

Dịch vụ xuất nhập khẩu

Thương mại và dịch vụ

Gia công hàng may mặc

Thông tin về các công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

15-
TUY
TOA
C
P.V

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính cuối năm trước của công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------------------|----------------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 06 - 25 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 05 - 12 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 10 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 10 năm |
| - Quyền sử dụng đất | Không trích khấu hao |

2.11 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 45 năm

2.12 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.13 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Công ty thực hiện kế toán cho BCC và có nghĩa vụ thay mặt các bên khác thực hiện nghĩa vụ của BCC với Ngân sách Nhà nước, thực hiện quyết toán thuế và phân bổ lại nghĩa vụ này cho các bên khác theo thỏa thuận của BCC. Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của BCC. Công ty thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của BCC theo thông báo từ BCC.

Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 01/07/2017 giữa Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (gọi tắt là TH1) và Công ty TNHH Kowa (gọi tắt là Kowa), cung cấp dịch vụ gia công quần áo và các sản phẩm may mặc khác dành riêng cho Kowa. Hai bên hợp tác điều hành hoạt động của Nhà máy trong việc cung cấp dịch vụ gia công may mặc để đạt được hiệu quả vận hành tối đa của máy móc và nhân lực Nhà máy, đáp ứng các mục tiêu sản xuất. TH1 được hưởng mức phí quản lý là 1% trên tổng doanh thu dịch vụ hàng tháng và được chi trả vào ngày 15 của tháng kế tiếp. TH1 là bên thực hiện kế toán. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên được chi trả toàn bộ cho Kowa.

Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 82/2014/HĐHT/TH1 - HFC ngày 15/09/2014 và Phụ lục hợp đồng số 01/2020/HĐHT/TH1-HFC ngày 28/08/2020, gia hạn hợp đồng đến 31/03/2021 ký giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Xuất nhập khẩu HFC Việt Nam (HFC) và Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I - Việt Nam (TH1), TH1 và HFC hợp tác đầu tư ngắn hạn, đảm bảo nguyên tắc lãi suất không thấp hơn lãi suất thực thu của ngân hàng cho vay vốn qua các thời kỳ và được tính theo thời gian sử dụng vốn cụ thể, áp dụng kể từ ngày bên TH1 góp vốn sang HFC, nếu lợi nhuận đầu tư thực tế cao hơn, hai bên sẽ thỏa thuận sau khi kết thúc hợp đồng. Bên thực hiện kế toán là Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Xuất nhập khẩu HFC Việt Nam.

2.15 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.16 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.17 . Vay

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.18 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.19 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu nhận trước số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

1100
C
TRÁCH
ÂNG
A
1100

2.20 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.21 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.22 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.23 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.24 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong, năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

05 - C
TỶ
ƯU HÃ
TOÁN
C
P. H

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngõ Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

2.25 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

2.26 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.27 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.28 . Thông tin bộ phận

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và trong tổng giá trị tài sản của Công ty. Bên cạnh đó, toàn bộ hoạt động của Công ty được diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	18.042.915	31.556.727
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	368.984.813	209.986.454
	<u>387.027.728</u>	<u>241.543.181</u>

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngõ Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Chứng chi tiền gửi có kỳ hạn	10.216.730.726	-	-	-
	10.216.730.726	-	-	-

Chứng chi tiền gửi có kỳ hạn tại Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh vượng có kỳ hạn 6 tháng với lãi suất từ 7,6% đến 8,15%/năm.

b) Chứng khoán kinh doanh

Mã chứng khoán	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
BTS	348.600	108.100	(240.500)	348.600
WSS	-	-	-	9.300.372.093
EIB	162.980.849.141	247.747.500.000	-	162.980.849.141
	162.981.197.741	247.747.608.100	(240.500)	172.281.569.834
				231.833.308.900
				(6.553.411.793)

- Tổng giá trị cổ phiếu

Cổ phiếu Công ty Xi măng Bút Sơn

Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall

Cổ phiếu Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam (*)

(*) Cổ phiếu Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam của Công ty đang được phong tỏa để thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng (chi tiết xem tại thuyết minh số 19).

Giá trị hợp lý của các chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá đóng cửa tại ngày lập Báo cáo tài chính trên sàn HNX, HOSE và UPCOM tại ngày 31/12/2019 và 31/12/2020.

Trong năm, Công ty đã có giao dịch bán cổ phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall cho các nhà đầu tư khác, tương đương tổng mệnh giá 2.891.800.000 đồng, lỗ trong năm 289.180.000 đồng (chi tiết thuyết minh số 25).



VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào Công ty liên kết	41.368.895.429	(5.017.226.212)	41.368.895.429	(4.999.173.701)
- Công ty TNHH Phát triển Đệ Nhất	20.968.895.429	-	20.968.895.429	-
- Công ty Cổ phần Bất động sản Tổng hợp 1	20.400.000.000	(5.017.226.212)	20.400.000.000	(4.999.173.701)
Đầu tư vào đơn vị khác	1.200.000.000	(1.200.000.000)	1.200.000.000	(1.200.000.000)
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Mai Linh - Quảng Ngãi	1.200.000.000	(1.200.000.000)	1.200.000.000	(1.200.000.000)
	42.568.895.429	(6.217.226.212)	42.568.895.429	(6.199.173.701)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào Công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2020 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty TNHH Phát triển Đệ Nhất	Hà Nội	40,00%	40,00%	Cho thuê văn phòng
- Công ty Cổ phần Bất động sản Tổng hợp 1	Hà Nội	49,60%	49,60%	Kinh doanh bất động sản
Đầu tư vào đơn vị khác				
Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Mai Linh - Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	5,42%	5,42%	Kinh doanh, khai thác khoáng sản

CH
NG
A
V K

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Công ty CP Kim loại Việt Nam	23.932.288.353	(23.932.288.353)	23.932.288.353	(23.932.288.353)
- Công ty CP Thép Việt Thanh	8.158.626.921	(8.158.626.921)	8.158.626.921	(8.158.626.921)
- Công ty CP Dầu khí và Khoáng sản VITECH	8.275.780.880	(8.275.780.880)	8.275.780.880	(8.275.780.880)
- Công ty CP thực phẩm C.M.T	35.949.721.230	(35.949.721.230)	35.949.721.230	(35.949.721.230)
- Phải thu khách hàng khác	26.650.440.170	(15.359.645.271)	27.265.129.526	(15.367.645.271)
	<u>102.966.857.554</u>	<u>(91.676.062.655)</u>	<u>103.581.546.910</u>	<u>(91.684.062.655)</u>

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Công ty CP Khoáng sản Mai Linh	6.010.353.102	(6.010.353.102)	6.010.353.102	(6.010.353.102)
- Công ty TNHH Thanh Phát	29.787.510.769	(29.787.510.769)	29.787.510.769	(29.787.510.769)
- Công ty TNHH Thanh Phát HQ	81.832.187.384	(81.832.187.384)	81.832.187.384	(81.832.187.384)
- Công ty TNHH Minh Lâm	4.359.664.601	(4.359.664.601)	4.359.664.601	(4.359.664.601)
- DN tư nhân Trung Thành	54.585.659.678	(54.585.659.678)	54.585.659.678	(54.585.659.678)
- DN tư nhân Phát Đạt	5.238.146.104	(5.238.146.104)	5.238.146.104	(5.238.146.104)
- Công ty TNHH XNK Phước Tiếng	35.635.700.361	(35.635.700.361)	35.635.700.361	(35.635.700.361)
- Công ty CP SAM nông nghiệp công nghệ cao	1.762.568.810	-	4.240.190.360	-
- Trả trước cho người bán khác	26.983.503.049	(20.260.577.997)	35.205.728.279	(20.260.577.997)
	<u>246.195.293.858</u>	<u>(237.709.799.996)</u>	<u>256.895.140.638</u>	<u>(237.709.799.996)</u>

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TÔNG HỢP VIỆT NAM

Số 46 Nguyễn Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay (1)	151.623.509.432	-	151.623.509.432	-
- Phải thu về bảo hiểm xã hội	15.250.364	-	14.036.160	-
- Phải thu về bảo hiểm y tế	2.859.435	-	2.631.780	-
- Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	1.906.284	-	1.754.520	-
- Tạm ứng	2.822.152.830	-	4.331.172.558	-
- Ký cược, ký quỹ	279.977.520	-	835.691.300	-
- Phải thu Công ty TNHH Quang Trung	1.548.661.868	(1.548.661.868)	1.548.661.868	(1.548.661.868)
- Phải thu vốn góp theo đồng hợp tác kinh doanh	2.846.000.000	(2.846.000.000)	2.846.000.000	(2.846.000.000)
- Phải thu vốn góp theo đồng hợp tác đầu tư (2)	187.500.000.000	-	187.500.000.000	-
- Phải thu Ông Nguyễn Xuân Nam	2.950.000.000	(2.650.000.000)	6.000.000.000	(5.500.000.000)
- Phải thu khác	28.304.056.964	(842.598.854)	33.241.835.520	(842.598.854)
	377.894.374.697	(7.887.260.722)	387.945.293.138	(10.737.260.722)
b) Dài hạn				
- Phải thu Bà Phạm Thị Thủy	100.000.000	-	100.000.000	-
	100.000.000	-	100.000.000	-
c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan				

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 30)

(1) Khoản phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay là khoản phải thu tương ứng với hợp đồng hợp tác với HFC với điều kiện đảm bảo nguyên tắc không thấp hơn lãi suất thực thu của ngân hàng cho TH1 vay vốn qua các thời kỳ và được tính theo thời gian sử dụng vốn cụ thể.

(2) Khoản tiền góp vốn theo đồng hợp tác đầu tư số 82/2014/HĐHT/TH1 - HFC giữa Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (gọi tắt là TH1) và Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương Mại Xuất nhập khẩu HFC Việt Nam (gọi tắt là HFC) về việc hợp tác đầu tư ngân hàng "có phiếu thuộc danh mục thoái vốn của Công ty SCIC" và Phụ lục hợp đồng số 01/2020/HĐHT/TH1-HFC ngày 28/08/2020, gia hạn hợp đồng đến 31/03/2021, đảm bảo nguyên tắc không thấp hơn lãi suất thực thu của ngân hàng cho vay vốn qua các thời kỳ và được tính theo thời gian sử dụng vốn cụ thể, áp dụng kể từ ngày bên TH1 góp vốn sang HFC, nếu lợi nhuận đầu tư thực tế cao hơn, hai bên sẽ thỏa thuận sau khi kết thúc hợp đồng.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

8 . NỢ XẤU

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty CP Thép Việt Thanh	8.158.626.921	-	8.158.626.921	-
- Doanh nghiệp tư nhân Trung Thành	54.585.659.678	-	54.585.659.678	-
- Công ty CP Kim loại Việt Nam	23.932.288.353	-	23.932.288.353	-
- Công ty TNHH Thanh Phát	29.787.510.769	-	29.787.510.769	-
- Công ty CP Thực phẩm CMT	35.949.721.230	-	35.949.721.230	-
- Công ty CP Dầu khí và Khoáng sản VITECH	8.275.780.880	-	8.275.780.880	-
- Công ty TNHH Thanh Phát HQ	81.832.187.384	-	81.832.187.384	-
- Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Phước Tiếng	35.635.700.361	-	35.635.700.361	-
- Nợ xấu các khoản khác	59.415.647.797	300.000.000	62.473.647.797	500.000.000
	337.573.123.373	300.000.000	340.631.123.373	500.000.000

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng hoá	248.187.170	-	220.999.999	-
	248.187.170	-	220.999.999	-

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá										
Số dư đầu năm	4.426.795.251	4.712.350.147	4.712.350.147	4.712.350.147	650.245.455	650.245.455	215.368.604	215.368.604	10.004.759.457	10.004.759.457
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	1.158.331.545	1.158.331.545	1.158.331.545	-	-	-	-	1.158.331.545	1.158.331.545
Số dư cuối năm	4.426.795.251	5.870.681.692	5.870.681.692	5.870.681.692	650.245.455	650.245.455	215.368.604	215.368.604	11.163.091.002	11.163.091.002
Giá trị hao mòn lũy kế										
Số dư đầu năm	4.415.103.034	4.291.309.958	4.291.309.958	4.291.309.958	294.158.653	294.158.653	215.368.604	215.368.604	9.215.940.249	9.215.940.249
- Khấu hao trong năm	2.383.612	194.805.229	194.805.229	194.805.229	92.892.204	92.892.204	-	-	290.081.045	290.081.045
Số dư cuối năm	4.417.486.646	4.486.115.187	4.486.115.187	4.486.115.187	387.050.857	387.050.857	215.368.604	215.368.604	9.506.021.294	9.506.021.294
Giá trị còn lại										
Tại ngày đầu năm	11.692.217	421.040.189	421.040.189	421.040.189	356.086.802	356.086.802	-	-	788.819.208	788.819.208
Tại ngày cuối năm	9.308.605	1.384.566.505	1.384.566.505	1.384.566.505	263.194.598	263.194.598	-	-	1.657.069.708	1.657.069.708

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thử hình đã dùng thử chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 9.308.602 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 8.680.855.392 đồng.

11 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư của Công ty là Nhà cửa, vật kiến trúc tại Hà Nội, Hải Phòng được sử dụng để cho thuê có tổng nguyên giá 148.319.406.782 đồng; giá trị hao mòn lũy kế tại thời điểm 31/12/2020 là 29.296.362.993 đồng, khấu hao trong năm là 3.374.872.713 đồng. Trong năm, Công ty điều chỉnh giá trị bất động sản đầu tư theo quyết toán của kiểm toán số tiền 540.448.638 đồng. Giá trị còn lại cuối năm của bất động sản đầu tư đã dùng thử chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 119.023.043.789 đồng. Công ty đang sử dụng bất động sản đầu tư tại số 7, Triệu Việt Vương, Hà Nội làm tài sản bảo đảm để thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ với Ngân hàng (xem chi tiết tại thuyết minh số 19)



VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền thuê đất trả tiền một lần (*)	3.954.437.136	4.106.530.872
Công cụ dụng cụ xuất dùng	72.888.224	316.198.666
Chi phí trả trước dài hạn khác	271.486.897	716.716.313
	4.298.812.257	5.139.445.851

(*) Đất thuê có thời hạn 32 năm, Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất như giao đất không thu tiền sử dụng đất, diện tích 9.060 m2 tại Ấp Tân Mỹ, xã Xuân Bảo, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
- Ông Trần Văn Hải (*)	33.936.741.144	33.936.741.144	-	-
- Công ty CP xây dựng số 2-Vinaconex (*)	-	-	23.110.980.224	23.110.980.224
- Phải trả các đối tượng khác	164.023.945	164.023.945	1.698.833.699	1.698.833.699
	34.100.765.089	34.100.765.089	24.809.813.923	24.809.813.923

(*) Theo thông báo về chuyển giao khoản nợ/quyền đòi nợ của Công CP Xây dựng số 2 - Vinaconex ngày 28/12/2020, Đơn vị theo dõi khoản nợ/quyền đòi nợ và các quyền liên quan đến khoản nợ của Công ty CP xây dựng số 2-Vinaconex với Công ty sang cá nhân là Ông Trần Văn Hải.

14 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Công ty TNHH Gason Việt Nam	92.400.000	-
- Văn phòng công nhận năng lực đánh giá sự phù hợp về tiêu chuẩn chất lượng	62.942.145	-
- Công ty TNHH Xuất nhập khẩu gỗ Châu Phi	-	977.753.624
- Người mua trả tiền trước khác	-	77.442.867
	155.342.145	1.055.196.491

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	687.081.331	-	687.081.331	-	687.081.331	-	-	-	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	27.973.950	-	27.973.950	-	27.973.950	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	-	391.456.447	-	391.456.447	-	391.456.447	-	-	-	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	140.130.000	-	1.471.260.570	-	1.471.260.570	-	1.471.260.570	-	140.130.000	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	5.000.000	-	5.000.000	-	5.000.000	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	674.158.169	-	674.158.169	-	674.158.169	-	-	-	-	-
	140.130.000	-	3.256.930.467	-	3.256.930.467	-	3.256.930.467	-	140.130.000	-	-	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

16 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN DÀI HẠN

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước tiền cho thuê văn phòng	9.586.572.804	9.839.664.036
	<u>9.586.572.804</u>	<u>9.839.664.036</u>

17 . PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	426.317.939	320.076.913
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	183.154.311	304.210.311
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.581.850.355	1.581.850.355
- Phải trả lãi vay (*)	297.974.630.921	263.418.608.922
- Phí bảo trì tòa nhà 130 Nguyễn Đức Cảnh, Hoàng Mai, Hà Nội	198.523.635	398.523.635
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.957.471.208	10.815.383.816
	<u>311.321.948.369</u>	<u>276.838.653.952</u>
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	812.640.006	778.180.994
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.000.000.000	10.000.000.000
	<u>10.812.640.006</u>	<u>10.778.180.994</u>

(*) Khoản lãi vay phải trả tương ứng với các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Ngân hàng được chi tiết tại thuyết minh số 19.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP VIỆT NAM

Số 46 Nguyễn, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

18 . VAY

	01/01/2020		Trong năm		31/12/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn bằng VND	184.500.000.000	184.500.000.000	-	-	184.500.000.000	184.500.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội (1)	184.500.000.000	184.500.000.000	-	-	184.500.000.000	184.500.000.000
Vay ngắn hạn bằng USD	349.868.383.232	349.868.383.232	90.551.447.516	108.811.914.404	331.607.916.344	331.607.916.344
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - SGD	37.169.753.400	37.169.753.400	752.041.641	37.921.795.041	-	-
Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội (1)	20.339.585.879	20.339.585.879	376.496.854	398.386.207	20.317.696.526	20.317.696.526
Ngân hàng NN&PTNT - Chi nhánh Hoàng Mai	46.598.078.423	46.598.078.423	942.793.666	47.540.872.089	-	-
Công ty Cổ phần đầu tư Hùng An (2)	245.760.965.530	245.760.965.530	4.762.809.410	22.897.047.066	227.626.727.874	227.626.727.874
Công ty CP Kinh doanh bất động sản VHC (3)	-	-	83.717.305.945	53.814.001	83.663.491.944	83.663.491.944
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	35.229.192.240	35.229.192.240	16.516.000.000	-	51.745.192.240	51.745.192.240
Công ty Cổ phần Đầu tư Hùng An (4)	35.229.192.240	35.229.192.240	16.516.000.000	-	51.745.192.240	51.745.192.240
	569.597.575.472	569.597.575.472	107.067.447.516	108.811.914.404	567.853.108.584	567.853.108.584
b) Vay dài hạn						
Công ty Cổ phần Đầu tư Hùng An (4)	51.745.192.240	51.745.192.240	-	-	51.745.192.240	51.745.192.240
	51.745.192.240	51.745.192.240	-	-	51.745.192.240	51.745.192.240
Kh khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(35.229.192.240)	(35.229.192.240)	(16.516.000.000)	-	(51.745.192.240)	(51.745.192.240)
Kh khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	16.516.000.000	16.516.000.000	-	-	-	-



Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Khoản vay với Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng số 500-19/14/VAB/HĐHMDN ngày 11/09/2014, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng là 350.000.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi tỷ đồng chẵn);
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, cho vay chứng minh năng lực tài chính, mở L/C, bảo lãnh các loại, mục đích sử dụng tiền vay cụ thể được quy định rõ trong từng giấy nợ;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực trong 12 tháng, kể từ ngày 19/09/2014 đến ngày 19/09/2015;
 - + Lãi suất cho vay: Áp dụng theo lãi suất thông báo của Ngân hàng tại thời điểm giải ngân và được ghi trên từng giấy nợ cụ thể;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Lợi thế thương mại đối với quyền sử dụng 435,9 m2 đất thuê và tài sản hình thành trong tương lai gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu hợp pháp bên thế chấp trên 435,9 m2 đất thuê tại số 7 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội;
 - + Số dư nợ vay tại thời điểm cuối năm là: 184.500.000.000 VND và 875.574,08 USD (tương đương 20.317.696.526 VND).

Thông tin chi tiết "Thỏa thuận nhận tài sản bảo đảm để thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm" cho khoản vay giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội.

Ngày 23/08/2018, Công ty và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á - chi nhánh Hà Nội ký hai (02) thỏa thuận nhận tài sản bảo đảm để thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của Công ty đối hợp đồng tín dụng số 500-19/14/VAB/HĐHMDN ngày 11/09/2014 nêu trên.

Các tài sản bảo đảm để thay thế cho việc thực hiện một phần nghĩa vụ trả nợ của Công ty với Ngân hàng như sau:

- + Lợi thế thương mại đối với quyền sử dụng 435,9 m2 đất thuê và tài sản hình thành trong tương lai gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu hợp pháp bên thế chấp trên 435,9 m2 đất thuê tại số 7 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
- + Tiền lãi/lợi tức và các lợi ích vật chất khác của 6.000.000 cổ phần của Công ty tại Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (EXIMBANK).

Theo xác nhận công nợ vay số 140/CV-CNHN/21 ngày 22/03/2021 của Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội thì số dư nợ gốc của Công ty với Ngân Hàng tại ngày 31/12/2020 là 0 đồng. Tuy nhiên, theo quy định trong thỏa thuận thì Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội được quyền đơn phương chấm dứt thỏa thuận này và yêu cầu Công ty thanh toán đầy đủ các nghĩa vụ tài chính có liên quan nếu Công ty vi phạm các nghĩa vụ quy định tại thỏa thuận này.

Do vậy, sau thời điểm Công ty và Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội ký "Thỏa thuận nhận tài sản bảo đảm để thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm" thì Công ty vẫn tiếp tục theo dõi số dư nợ vay phải trả Ngân hàng Việt Á số tiền 184.500.000.000 VND và 875.574,08 USD (tương đương 20.317.696.526 VND). Công ty không ghi nhận chi phí lãi đối với hợp đồng vay số (1) trên kể từ ngày 01/01/2019. Công ty tiếp tục ghi nhận chi phí khấu hao vào chi phí trong năm của bất động sản đầu tư tại số 7, Triệu Việt Vương, Hà Nội. Đồng thời, Công ty đang ghi nhận chi phí thuê lại tòa nhà tại Số 7, Triệu Việt Vương, Hà Nội từ ngân hàng vào chi phí trong năm.

1001
CÔNG
TRÁCH NH
HÀNG K
A
DAN KI

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngõ Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

- (2) Số dư nợ vay tại thời điểm ngày 31/12/2020 là các khoản nợ vay được Công ty Cổ phần đầu tư Hùng An mua lại theo các hợp đồng mua bán nợ với các ngân hàng, bao gồm:
- + Số tiền nợ gốc 4.903.625,72 USD (tương đương 113.788.634.832 VND), nợ lãi 2.939.675,98 USD, là khoản nợ vay với Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, Chi nhánh Hà Nội đã được Công ty Cổ phần đầu tư Hùng An mua lại theo các hợp đồng mua bán nợ;
 - + Số tiền nợ gốc 2.068.157,58 USD (tương đương 47.991.596.644 VNĐ), nợ lãi 298.990,31 USD là khoản nợ vay với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - SGD đã được Công ty Cổ phần đầu tư Hùng An mua lại theo hợp đồng mua bán nợ;
 - + Số tiền nợ gốc 2.837.599,5 USD (tương đương 65.846.496.398 VNĐ), nợ lãi 1.127.414,13 USD là khoản nợ vay với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hà Nội đã được Công ty Cổ phần đầu tư Hùng An mua lại theo hợp đồng mua bán nợ.
- (3) Số dư nợ vay tại thời điểm ngày 31/12/2020 là các khoản nợ vay được Công ty CP Kinh doanh bất động sản VHC mua lại theo các hợp đồng mua bán nợ với các ngân hàng, bao gồm:
- + Số tiền nợ gốc 1.599.463,89 USD (tương đương 37.115.562.120 VND), nợ lãi 568.439,77 USD, là khoản nợ vay với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở giao dịch đã được Công ty CP Kinh doanh bất động sản VHC mua lại theo các hợp đồng mua bán nợ;
 - + Số tiền nợ gốc 2.005.943,97 USD (tương đương 46.547.929.824 VNĐ), nợ lãi 319.761,86 USD là khoản nợ vay với Ngân hàng NN&PT Nông Thôn - Chi nhánh Hoàng Mai đã được Công ty CP Kinh doanh bất động sản VHC mua lại theo hợp đồng mua bán nợ.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (4) Số dư nợ vay tại thời điểm ngày 31/12/2020 số tiền 51.745.192.240 đồng và lãi 27.088.130.092 đồng là khoản nợ vay với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - SGD đã được Công ty Cổ phần đầu tư Hùng An mua lại theo hợp đồng mua bán nợ.

c) Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

	31/12/2020		01/01/2020	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
	VND	VND	VND	VND
- Vay	567.853.108.584	297.974.630.921	569.597.575.472	263.418.608.922
	567.853.108.584	297.974.630.921	569.597.575.472	263.418.608.922

Lý do chưa thanh toán: Tình hình hoạt động kinh doanh trong kỳ có những khó khăn nhất định, mặt khác việc thu hồi nợ của Công ty cũng gặp khó khăn nên tạm thời Công ty chưa có khả năng thanh toán các khoản vay ngắn hạn đến hạn trả. Hiện tại, Công ty đang xây dựng kế hoạch về nguồn tài chính để đảm bảo thanh toán các khoản nợ vay theo đúng hợp đồng đã được ký kết.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngõ Quỳnh, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Vốn khác của chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	135.392.670.000	17.147.588.054	7.262.420.104	(981.900)	23.940.421.305	(299.724.184.525)	(115.982.066.962)							
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	(38.125.431.126)	(38.125.431.126)							
Lợi nhuận từ chi nhánh	-	-	-	-	-	946.470.044	946.470.044							
Phân phối cho Kowa từ lợi nhuận 2018	-	-	-	-	-	(539.118.512)	(539.118.512)							
Phân phối cho Kowa từ lợi nhuận 2019	-	-	-	-	-	(219.442.919)	(219.442.919)							
Số dư cuối năm trước	135.392.670.000	17.147.588.054	7.262.420.104	(981.900)	23.940.421.305	(337.661.707.038)	(153.919.589.475)							
Số dư đầu năm nay	135.392.670.000	17.147.588.054	7.262.420.104	(981.900)	23.940.421.305	(337.661.707.038)	(153.919.589.475)							
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	(46.883.063.065)	(46.883.063.065)							
Lợi nhuận từ chi nhánh	-	-	-	-	-	1.231.165.129	1.231.165.129							
Phân phối cho Kowa từ lợi nhuận 2019 (*)	-	-	-	-	-	(448.196.337)	(448.196.337)							
Phân phối cho Kowa từ lợi nhuận 2020 (*)	-	-	-	-	-	(108.114.711)	(108.114.711)							
Số dư cuối năm nay	135.392.670.000	17.147.588.054	7.262.420.104	(981.900)	23.940.421.305	(383.869.916.022)	(200.127.798.459)							

(*): Khoản lợi nhuận phải trả Công ty TNHH Kowa (gọi tắt là Kowa) theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 01/07/2017 (Thông tin chi tiết tại thuyết minh số 2.14).



VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Ông Đinh Đức Tùng	20,73%	28.065.210.000	20,73%	28.065.210.000
Ông Nguyễn Văn Nguyên	19,91%	26.961.230.000	19,91%	26.961.230.000
Ông Nguyễn Vĩnh Huy	15,88%	21.500.000.000	15,88%	21.500.000.000
Các cổ đông khác	43,48%	58.865.820.000	43,48%	58.865.820.000
Cổ phiếu quỹ	0,00%	410.000	0,00%	410.000
	100%	135.392.670.000	100%	135.392.670.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	135.392.670.000	135.392.670.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>135.392.670.000</i>	<i>135.392.670.000</i>
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<i>135.392.670.000</i>	<i>135.392.670.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận:		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm</i>	<i>1.581.850.355</i>	<i>1.581.850.355</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm</i>	<i>1.581.850.355</i>	<i>1.581.850.355</i>

d) Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	13.539.267	13.539.267
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	13.539.267	13.539.267
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.539.267</i>	<i>13.539.267</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại (<i>cổ phiếu quỹ</i>)	41	41
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>41</i>	<i>41</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.539.226	13.539.226
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.539.226</i>	<i>13.539.226</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Quỹ đầu tư phát triển	23.940.421.305	23.940.421.305
	23.940.421.305	23.940.421.305

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại:

- Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, thành phố Hải Phòng để sử dụng với mục đích làm kho bãi chứa hàng, với thời hạn thuê đến ngày 20/09/2056, diện tích khu đất thuê là 20.462,4 m²;
- Số 7 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội để sử dụng với mục đích làm văn phòng và kinh doanh khách sạn, với thời hạn thuê 50 năm kể từ ngày 06/12/2005, diện tích đất thuê là 435,9 m²;
- Số 251/4 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh để sử dụng với mục đích làm kho hàng hóa với thời hạn thuê đất ngắn hạn hàng năm kể từ ngày 05/05/2006 cho đến khi Nhà nước thực hiện quy hoạch, hợp đồng này đương nhiên được gia hạn trong từng năm kế tiếp nếu Nhà nước không có quyết định điều chỉnh, thu hồi đất, diện tích đất thuê là 3.030,3 m²;
- Xã Đình Xuyên, huyện Gia Lâm, Hà Nội để sử dụng với mục đích xây dựng Xí nghiệp chế biến quế và nông lâm sản xuất khẩu với diện tích đất thuê là 5.065 m².

Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Ngoại tệ các loại

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	20,74	576,04
- Đồng Euro (EUR)	0,99	235,00
- Đồng yên Nhật (JPY)	-	30.943,00

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	87.279.814.443	71.891.238.577
Doanh thu cung cấp dịch vụ	17.774.044.266	20.933.501.267
	<u>105.053.858.709</u>	<u>92.824.739.844</u>

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	86.526.443.509	75.280.530.016
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.374.872.713	3.422.912.592
	<u>89.901.316.222</u>	<u>78.703.442.608</u>

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	386.122.301	48.325.809
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	9.280.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	6.858.889.401	860.360.464
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	237.355.007	439.405.246
	<u>7.482.366.709</u>	<u>10.628.091.519</u>

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	46.276.276.833	34.458.318.242
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	289.180.000	
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	6.917.664.676	1.719.230.435
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(415.726.689)	2.592.281.833
Chi phí tài chính khác	8.367.767	5.938.240
	<u>53.075.762.587</u>	<u>38.775.768.750</u>

25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
	VND	VND
Chi phí nhân công	3.060.548.080	2.184.887.362
Chi phí khấu hao tài sản cố định	266.495.585	231.145.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.180.717.658	4.946.817.095
Chi phí khác bằng tiền	305.947.293	203.221.968
	<u>11.813.708.616</u>	<u>7.566.071.925</u>

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	5.005.471
Chi phí nhân công	4.329.046.865	4.176.513.506
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.585.460	23.585.460
Thuế, phí, lệ phí	548.755.606	836.833.890
Chi phí dự phòng	(2.858.000.000)	9.708.570.720
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.054.990.585	3.054.463.597
Chi phí khác bằng tiền	289.152.536	651.987.542
	<u>4.387.531.052</u>	<u>18.456.960.186</u>

27 . THU NHẬP KHÁC

	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	8.527.273
Thu nhập từ xử lý nợ phải trả	-	3.000.000.000
Thu nhập khác	612.649.246	567.790.733
	<u>612.649.246</u>	<u>3.576.318.006</u>

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngõ Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

28 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Các khoản bị phạt	406.057.865	713.839.073
Chi phí khác	447.561.387	383.552.971
	853.619.252	1.097.392.044

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(46.883.063.065)	(38.125.431.126)
Các khoản điều chỉnh tăng	489.396.177	5.334.662.120
- Chi phí không hợp lệ	470.355.929	5.334.662.120
- Lỗi đánh giá lại ngoại tệ	19.040.248	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(9.340.933.341)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	(9.280.000.000)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	-	(60.933.341)
Thu nhập chịu thuế TNDN	(46.393.666.888)	(42.131.702.347)
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	-	-

30 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Bà Nguyễn Thị Thu Hoài	Tổng Giám đốc, thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Vĩnh Huy	Chủ tịch HĐQT
Ông Nhân Việt Bắc	Ủy viên HĐQT
Ông Lê Tuấn Điệp	Ủy viên HĐQT
Ông Trần Anh Vương	Ủy viên HĐQT từ nhiệm ngày 25/04/2019

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Thu nhập năm 2020	Thu nhập năm 2019
	VND	VND
Ông Nguyễn Vĩnh Huy	72.000.000	78.000.000
Ông Nhân Việt Bắc	60.000.000	65.000.000
Ông Lê Tuấn Điệp	60.000.000	65.000.000
Ông Trần Anh Vương	-	29.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hoài	876.460.000	467.960.000

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

31 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Nguyễn Thanh Thúy
Người lập

Mai Thu Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thu Hoài
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2021



HÃNG KIỂM TOÁN AASC

AASC TẠI HÀ NỘI - TRỤ SỞ CHÍNH

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973

E: aasc@aasc.com.vn

A: Số 1 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

AASC TẠI TP HỒ CHÍ MINH

T: (84) 28 3945 0505 - (84) 28 3945 0606 | F: (84) 28 3945 1106

E: aaschcm@aasc.com.vn

A: Tầng 3, Tòa nhà Galaxy 9, số 9 Nguyễn Khoái, Phường 1, Quận 4, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam

AASC TẠI QUẢNG NINH

T: (84) 203 3627 571 | F: (84) 203 3627 572

E: aascqn@aasc.com.vn

A: Số 8 Chu Văn An, Hạ Long, Quảng Ninh, Việt Nam